

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Ngôn ngữ Anh</b>
<b>Tên tiếng Anh:</b>	<b>English Language</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>8220201</b>
<b>Hình thức đào tạo:</b>	<b>Chính quy; Vừa làm vừa học</b>

**Bình Định, 2021**



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 204/QĐ-ĐHQN ngày 03 tháng 12 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – theo định hướng ứng dụng

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: English Language

Mã ngành: 8220201

Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học

### **MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng có kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, kỹ năng làm việc thành thạo, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và thái độ tích cực, đáp ứng được yêu cầu công việc và sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Kế thừa những kiến thức đã có ở trình độ đào tạo đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong lịch sử triết học và trong triết học Mác-Lênin, qua đó nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận.

+ PO2: Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học tiếng Anh và các ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan; Có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc tiếng Pháp) tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương).

+ PO3: Có kiến thức cập nhật về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh để trên cơ sở đó vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch và giảng dạy tiếng Anh trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước; Đủ kiến thức để tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh



+ PO4: Có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kĩ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiếng Anh vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt; biên dịch, phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ cao; giảng dạy tiếng Anh ở trình độ nâng cao.

**- Về kỹ năng**

+ PO5: Có kỹ năng thực hành và giao tiếp tiếng Anh trong các môi trường xã hội và công việc ở trình độ cao.

+ PO6: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích các vấn đề chuyên môn liên quan đến Ngôn ngữ Anh.

+ PO7: Có kỹ năng nghiên cứu, viết báo cáo khoa học, trình bày và tranh luận các vấn đề khoa học liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

+ PO8: Có kỹ năng ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn liên quan đến biên, phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh.

**- Về mức tự chủ và trách nhiệm**

+ PO9: Nhận thức rõ về ý thức tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ, và phát triển nghề nghiệp cá nhân.

## **2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ**

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh có thể:

- Làm viên chức giảng dạy tại các bậc học trong cả nước, nếu có thêm các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- Làm việc ở các trung tâm, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý về giáo dục và khoa học kĩ thuật, bộ phận hợp tác quốc tế, các cơ quan kinh tế và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu;

- Làm công tác biên-phiên dịch hoặc công tác tại các cơ quan truyền thông như báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

## **3. CHUẨN ĐẦU RA**

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

### **3.1. Về kiến thức**

**+ Kiến thức cơ sở:**

- PLO1: Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lịch sử triết học và trong triết học Mác – Lênin để nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và đất nước và vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực chuyên môn của học viên cao học.

- PLO2: Sử dụng kiến thức và kỹ năng của ngoại ngữ 2 (tiếng Trung hoặc tiếng Pháp)



trong chương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương) ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu, có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường.

+ **Kiến thức chuyên sâu:**

- PLO3: Có kiến thức cập nhật về văn hóa và ngôn ngữ các nước nói tiếng Anh trong nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO4: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học tiếng Anh để viết báo cáo, trình bày rõ ràng các ý kiến, phản biện, và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề chuyên môn phức tạp.

- PLO5: Sử dụng kiến thức về tiến bộ khoa học kỹ thuật để giải quyết những vấn đề về chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu và ứng dụng tiếng Anh vào biên dịch, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO6: Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành và lý thuyết ngôn ngữ Anh trong việc truyền bá tri thức, quản lý, và dẫn dắt các hoạt động chuyên môn liên quan.

### **3.2. Về kỹ năng**

+ **Kỹ năng chung:**

- PLO7: Sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ (Tiếng Trung/Pháp) để hỗ trợ công việc chuyên môn và hoạt động nghề nghiệp.

+ **Kỹ năng chuyên môn:**

- PLO8: Giao tiếp tiếng Anh và làm việc nhóm hiệu quả trong các môi trường xã hội và công việc chuyên môn trình độ cao.

- PLO9: Phân tích, đánh giá, và phản biện để giải quyết có hiệu quả những công việc phức tạp, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới phục vụ công tác chuyên môn trong biên, phiên dịch, và giảng dạy tiếng Anh.

- PLO10: Đề xuất và độc lập nghiên cứu để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong công việc chuyên môn.

### **3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm**

- PLO11: Có năng lực thích nghi, tự định hướng cá nhân và khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

- PLO12: Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

## **4. CHUẨN ĐẦU VÀO**

+ Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (bao gồm ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh)





+ Có trình độ ngoại ngữ 2 Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh / Anh văn) Sur phạm tiếng Anh	

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành cần bổ sung kiến thức: Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức và học phần cần học bổ sung kiến thức bao gồm:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú
	Ngôn ngữ Anh	- Nga – Anh - Pháp – Anh - Trung – Anh - Tiếng Anh Thương Mại - Tiếng Anh Kinh Tế	- Nói nâng cao - Nghe nâng cao - Viết nâng cao - Ngữ nghĩa học - Âm vị học - Cú pháp học	Tùy trường hợp cụ thể Khoa đề xuất lựa chọn số lượng HP bổ sung kiến thức

## 5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021).

## 6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoa: *60 tín chỉ* (bao gồm *06 tín chỉ* thực tập và *09 tín chỉ* Đồ án tốt nghiệp)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
<b>Phần kiến thức chung</b>	<b>7</b>
<b>Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>44</b>
- Các học phần bắt buộc	18
- Các học phần tự chọn	20
- Thực tập	6
- Luận văn/đồ án thay thế	9
<b>Tổng</b>	<b>60</b>

## 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

• Các nhân viên được phân công vào các phòng ban khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

Điều này có thể được thực hiện bằng cách:

1. Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau.	2. Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau.	3. Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau.
---	---	---

Điều này có thể được thực hiện bằng cách phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau.

STT	Việc làm	Đơn vị	Thời gian
1	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
2	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
3	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
4	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
5	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
6	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
7	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
8	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
9	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
10	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.

Điều này có thể được thực hiện bằng cách:

• Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

• Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

• Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

• Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

• Phân công nhân viên vào các phòng ban khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

STT	Việc làm	Đơn vị	Thời gian
1	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
2	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
3	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
4	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
5	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
6	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
7	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
8	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
9	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.
10	Thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.	Phòng ban khác nhau.	Thời gian khác nhau.

Điều này có thể được thực hiện bằng cách:



### 7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

### 7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

- a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;
- b) Có trình độ ngoại ngữ 2 đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## 8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

### 8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

### 8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

*- Học phần lý thuyết:*

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá giữa kỳ	- Học viên tham gia vào các hoạt động thực hành trên lớp có sản phẩm. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể).	30- 50%
2	Đánh giá cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết/Vấn đáp/Tiểu luận...; - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	50 - 70%

*- Học phần thực tập chuyên môn*

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá quá trình	- Học viên tham gia vào các hoạt động thực hành có sản phẩm từng đợt. - Tiêu chí theo đề cương HP	30%-50%%
2	Đánh giá báo cáo sản phẩm	- Báo cáo sản phẩm - Tiêu chí đánh giá báo cáo: Hình thức, nội dung, và phương pháp thực hiện	50%-70%

*- Đề án tốt nghiệp*



Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

### 8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

## 9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng tín chỉ			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TH, TN, TL			
<b>I. Phần kiến thức chung</b>					<b>7</b>	<b>6</b>	<b>1</b>			
<i>I.1. Triết học</i>										
1	XHTH	501	Triết học (Philosophy)	1	4	4			LLCT-Luật và QLNN	
<i>I.2. Ngoại ngữ</i>										
1	NANN P	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp- French)	1	3	2	1		K. NN	V
2	NANN T	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Trung- Chinese)	1	3	2	1		K. NN	V
<b>II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>										
<i>II.1. Phần bắt buộc</i>					<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			
3	NAĐC	503	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	1	3	2	1		K. NN	V
4	TAPP	505	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	1	3	2	1		K. NN	v
5	TAUD	513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	1	3	2	1		K. NN	
6	NATN	523	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	2	3	2	1		K. NN	v
7	TADH	516	Ngữ dụng học (Pragmatics)	2	3	2	1		K. NN	v
8	NADN	517	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches in Discourse Analysis)	2	3	2	1		K. NN	v
<i>II.2. Phần tự chọn (chọn 20 TC trong TC)</i>					<b>20</b>	<b>18</b>	<b>9</b>			
9	TAVK	507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	1	3	2	1		K. NN	v
10	NAHK	508	Hoa Kỳ học (American Studies)	1	3	2	1		K. NN	v
11	NATK	510	Thiết kế chương trình (Curriculum Design)	1	3	2	1		K. NN	v





Year	Month	Day	Event	Location	Notes
1911	Jan	1	...	...	...
1911	Jan	2	...	...	...
1911	Jan	3	...	...	...
1911	Jan	4	...	...	...
1911	Jan	5	...	...	...
1911	Jan	6	...	...	...
1911	Jan	7	...	...	...
1911	Jan	8	...	...	...
1911	Jan	9	...	...	...
1911	Jan	10	...	...	...
1911	Jan	11	...	...	...
1911	Jan	12	...	...	...
1911	Jan	13	...	...	...
1911	Jan	14	...	...	...
1911	Jan	15	...	...	...
1911	Jan	16	...	...	...
1911	Jan	17	...	...	...
1911	Jan	18	...	...	...
1911	Jan	19	...	...	...
1911	Jan	20	...	...	...
1911	Jan	21	...	...	...
1911	Jan	22	...	...	...
1911	Jan	23	...	...	...
1911	Jan	24	...	...	...
1911	Jan	25	...	...	...
1911	Jan	26	...	...	...
1911	Jan	27	...	...	...
1911	Jan	28	...	...	...
1911	Jan	29	...	...	...
1911	Jan	30	...	...	...
1911	Jan	31	...	...	...

There has been some change in the position of the...

...



1.2.	Ngoại ngữ	3	5%		x					x				x	x
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>38</b>	<b>63,3%</b>												
2.1.	Kiến thức cơ sở	13	21,7%			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2.2.	Kiến thức ngành	25	41,6%			x	x	x	x		x	x	x	x	x
2.3	Kiến thức thực tập	6	10,0%	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x
<b>4</b>	<b>Luận văn / đồ án tốt nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>15,0%</b>	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x

## 10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
<b>I. Kiến thức chung</b>				<b>7</b>						
1	XHTH	501	Triết học (Philosophy)	4	4				K.LLCT-Luật và QLNN	LLCT-Luật và QLNN
2	NANNP	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Pháp-French)	3	3				TS. Nguyễn Thị Ái Quỳnh ThS Nguyễn Thị Thu Hạnh	K. NN
	NANNT	502	Ngoại ngữ 2 (second foreign language) (Tiếng Trung-Chinese)	3	3				ThS. Hồ Phương Tâm ThS Nguyễn Thị Thắm	K. NN
<b>II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>										
<b>II.1. Bắt buộc</b>				<b>18</b>						
3	NAĐC	503	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	3				TS. Trương Văn Định GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp	K. NN
4	TAPP	505	Phương pháp nghiên cứu (Research Methods)	3	3				TS. Lê Nhân Thành TS. Võ Ngọc Hòai	K. NN
5	TAUD	513	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	3				TS. Hà Thanh Hải PGS.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật	K. NN
6	NATN	523	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive)	3	3				TS. Hà Thanh Hải PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ	K. NN



			Linguistics)							
7	TADH	516	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3		3			PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Trương Văn Định	K. NN
8	NADN	517	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches in Discourse Analysis)	3		3			PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật TS. Huỳnh Anh Tuấn	K. NN
<b>II.2. Lựa chọn (chọn 20 TC)</b>				<b>20</b>						
9	TAV K	507	Tiếng Anh viết văn bản khoa học (Academic Written English)	3		3			PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền TS. Võ Ngọc Hối	K. NN
10	NAHK	508	Hoa Kỳ học (American Studies)	3		3			TS. Bùi Thị Đào TS. Ngô Hữu Hoàng	K. NN
11	NATK	510	Thiết kế chương trình (Curriculum Design)	3		3			PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Võ Duy Đức	K. NN
12	NACN	511	Công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ (ICT in Foreign Language Teaching)	3		3			TS. Lê Nhân Thành TS. Võ Thanh Diệp	K. NN
13	NAVH	512	Ngôn ngữ và văn hóa (Language and Culture)	3		3			TS. Trương Văn Định TS. Hà Thanh Hải	K. NN
14	NADG	518	Thuyết đánh giá (Apraisal theory)	3			3		TS. Võ Duy Đức PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	K. NN
15	NAKT	519	Kiểm tra đánh giá khả năng ngôn ngữ (Language Testing and Evaluation)	3			3		TS. Lê Nhân Thành TS. Võ Ngọc Hối	K. NN
16	NACN	522	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	3			3		PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền PGS. TS. Phan Văn Hòa	K. NN
17	NADT	514	Lý thuyết dịch thuật (Translation Theories)	3			3		TS. Lê Nhân Thành TS. Trương Văn Định	K. NN
18	NATT	509	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và	2			2		TS. Võ Duy Đức TS. Võ Ngọc Hối	K. NN

Year	Month	Day	Event	Location	Notes
1947	Jan	1	...	...	...
1947	Jan	2	...	...	...
1947	Jan	3	...	...	...
1947	Jan	4	...	...	...
1947	Jan	5	...	...	...
1947	Jan	6	...	...	...
1947	Jan	7	...	...	...
1947	Jan	8	...	...	...
1947	Jan	9	...	...	...
1947	Jan	10	...	...	...
1947	Jan	11	...	...	...
1947	Jan	12	...	...	...
1947	Jan	13	...	...	...
1947	Jan	14	...	...	...
1947	Jan	15	...	...	...
1947	Jan	16	...	...	...
1947	Jan	17	...	...	...
1947	Jan	18	...	...	...
1947	Jan	19	...	...	...
1947	Jan	20	...	...	...
1947	Jan	21	...	...	...
1947	Jan	22	...	...	...
1947	Jan	23	...	...	...
1947	Jan	24	...	...	...
1947	Jan	25	...	...	...
1947	Jan	26	...	...	...
1947	Jan	27	...	...	...
1947	Jan	28	...	...	...
1947	Jan	29	...	...	...
1947	Jan	30	...	...	...
1947	Jan	31	...	...	...

			ngôn ngữ thứ hai (First and Second Language Acquisition)							
19	NANN	520	Ngữ nghĩa học (Semantics)	2		2			PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật	K. NN
20	NANP	504	Ngữ pháp lý thuyết (Theoretical Grammar)	2		2			TS. Trương Văn Định TS. Huỳnh Anh Tuấn	K. NN
21	NADC	515	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	2		2			PGS. TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	K. NN
22	NACN	524	Tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes)	2		2			TS. Võ Duy Đức PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	K. NN
23	TAXH	506	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2		2			TS. Bùi Thị Đào TS. Lê Nhân Thành	K. NN
24	NATL	525	Ngôn ngữ học tâm lý (Psycho- linguistics)	2		2			TS. Võ Duy Đức PGS. TS Nguyễn Thị Thu Hiền	K. NN
25	NADK	528	Đọc văn bản khoa học (Academic Reading)	2		2			TS. Lê Nhân Thành TS. Hà Thanh Hải	K. NN
26	TAGT	521	Nghiên cứu giao tiếp giao văn hóa (Cross-Culture Communication Studies)	2		2			PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Trương Văn Định	K. NN
<b>II.3. Thực tập, thực tế</b>				<b>6</b>						K. NN
27	NATT	529	Thực tập 1	3		3			PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Hà Thanh Hải TS. Lê Nhân Thành	
28	NATT	530	Thực tập 2	3			3		PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền PGS. TS. Nguyễn Quang Ngoạn TS. Hà Thanh Hải TS. Lê Nhân Thành	



III. <i>Đồ án tốt nghiệp</i>				9				9		K.NN
29	NADA	531	Đồ án tốt nghiệp	9				9		
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>	<b>19</b>	<b>16</b>	<b>13</b>	<b>12</b>		

### 11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh khoá 24 (đợt tuyển sinh sau ngày 15/10/2021) cho học viên ngành Ngôn Ngữ Anh
- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.
- Trưởng khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.
- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Ngôn Ngữ Anh và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

TR. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Hồ Xuân Quang



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng